

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 78/2017/HSST
Ngày: 13/12/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn tấn Hùng.

Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/HSST, ngày 16/11/2017 đối với bị cáo: Tổng Thành Đ (tên thường gọi là Bi); sinh năm: 1993; nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 10/12; con ông: Tổng Văn T; sinh năm: 1967; con bà: Nguyễn Thị H; sinh năm: 1970; có vợ: Lê Thị Mỹ T; sinh năm: 1994; có 01 người con sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/08/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Đức (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông Phạm Đức C; sinh năm: 1963; trú tại: ấp X, xã S, huyện C, tỉnh B (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh B (Có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Tổng Thành Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ ngày 21/8/2017, Tổng Thành Đ điều khiển xe mô tô không biển số (số khung: RNAWCHFNA61013606; số máy: VLF1P52FMH-360103606) đem theo 01 mỏ lết bằng sắt (màu trắng, dài 30cm) đến nhà ông Phạm Đức C ở ấp X, xã S, huyện C để trộm cắp tài sản. Đ đến bên hông cửa sổ nhà ông C, dùng mỏ lết mang theo đập bể cửa kính, bể gãy các thanh sắt của cửa sổ tạo thành 01 lỗ hổng để chui vào phòng ngủ của ông C. Đ lục ví da lấy được 900.000 đồng và 01 sợi dây chuyền màu vàng (hình mắc xích đẹp, có mặt hình thánh giá, loại vàng 18K, có trọng lượng 2,4 chỉ), Đ lấy chìa khóa, mở khóa phòng kho rồi bung ra 01 bao tiêu nặng 61kg để lên trên giường ngủ. Do bao tiêu nặng vào to hơn lỗ hổng của cửa sổ, đồng thời Đ nghe nhiều tiếng chó sủa, sợ bị phát hiện nên Đ đã bỏ lại bao tiêu, leo ra ngoài. Trên đường về nhà, Đ cho một người bạn tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mượn 500.000 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày, Đ đã đến Cơ quan C

sát điều tra Công an huyện Châu Đức đầu thú giao nộp số tiền 400.000 đồng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên.

Tại Biên bản định giá và kết luận giá trị tài sản trộm cắp số 180/HĐĐG, ngày 23/8/2017, của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: 01 bao tiêu hạt khô có trọng lượng 61kg trị giá 5.612.000 đồng; 01 sợi dây chuyền loại dây mắc xích, loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ và 01 mặt dây chuyền hình chữ thập kiểu hình dây thánh giá loại vàng 18k, trọng lượng 04 phân, tiền công là 370.000 đồng, trị giá dây chuyền là: 6.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Đ đã trộm cắp là 13.002.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 83/QĐ-VKS ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Tổng Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điều 47, Điều 18, 33, 52 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Tổng Thành Đ mức án tù: 04 đến 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Tổng Thành Đ đồng ý với Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát. Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo có con nhỏ, vợ chuẩn bị sinh con.

Người bị hại: Ông Phạm Đức C đã nhận lại tài sản, nhận 5.500.000đ do bà H (mẹ của Đ) bồi thường. Ông C đã làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ và không còn yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với Đ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.500.000đ cho ông C. Bà H không yêu cầu Đ phải trả lại cho bà H số tiền này.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Bản cáo trạng số 83/QĐ-VKS ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Tổng Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo Tổng Thành Đ thừa nhận: Khoảng 08 giờ 21/8/2017, tại nhà ông Phạm Đức C thuộc ấp X, xã S, huyện C, tỉnh B, Tổng Thành Đ đã lén lút trộm cắp được 01 sợi dây chuyền màu vàng (hình mắc xích đẹp, có mặt hình thánh giá, loại vàng 18K, có trọng lượng 2,4 chỉ), 900.000 đồng và 61kg hạt tiêu. Tổng giá trị tài sản mà Đ trộm cắp được là 13.002.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, vật chứng là số tiền 400.000 đồng và 01 bao tiêu trọng lượng 61 kg; 01 xe mô tô không biển số (số khung: RNAWCHFNA61013606; số máy: VLF1P52FMH-360103606) và 01 chiếc mỏ lết bằng sắt (màu trắng, dài 30cm); Biên bản định giá và kết luận giá trị tài sản trộm cắp số 180/HĐĐG, ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức, Bản kết luận giám định số 3936/PC54-D3 ngày 17/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy: Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát

nhân dân huyện Châu Đức kết luận hành vi phạm tội của bị cáo giữ nguyên Cáo trạng số: 83/QĐ-VKS ngày 16/11/2017 là có căn cứ, nên chấp nhận.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân còn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Như vậy, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tổng Thành Đ.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tổng Thành Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Tổng Thành Đ là công dân đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng vì tham lam tư lợi nên bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi trộm cắp tiền và tài sản trị giá 13.002.000 đồng được bị cáo Đ thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác sử dụng cho bản thân là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một bản án thật nghiêm đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là bài học giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 45 Bộ luật hình sự 1999, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo Hậu một mức hình phạt phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tổng Thành Đ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản thiệt hại đã thu hồi một phần trả lại cho bị hại. Sau khi phạm tội Đ đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ. Sau khi thực hiện tội phạm Đ đã tự nguyện ra đầu thú. Đối với hành vi trộm cắp bao tiêu 61 kg của Đ thuộc trường hợp phạm tội chưa Đ, chưa hoàn thành. Vì vậy cần áp dụng các điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Đ. Áp dụng Điều 18, Điều 52 Bộ luật hình sự 1999 để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa Đ, chưa hoàn thành đối với Đ. Đ có nhiều (04) tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Vì vậy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 để giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/10/2017 bà Nguyễn Thị H (là mẹ của Đ) đã bồi thường cho ông Phạm Đức C số tiền 5.500.000 đồng, ông C đã làm đơn bãi nại

cho Đ và không còn yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chấm dứt.

Xử lý vật chứng: Số tiền 400.000 đồng và 01 bao tiêu trọng lượng 61 kg là tài sản hợp pháp của ông Phạm Đức C. Ngày 10/10/2017, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại số tài sản trên cho ông C (đã xử lý xong).

01 xe mô tô không biển số (số khung: RNAWCHFNA61013606; số máy: VLF1P52FMH-360103606) và 01 chiếc mỏ lết bằng sắt (màu trắng, dài 30cm) là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, là vật có giá trị sử dụng thì cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước. Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên.

Về án phí: Bị cáo Tổng Thành Đ phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Tổng Thành Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 18, Điều 33, Điều 47 và Điều 52 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo: Tổng Thành Đ 03 (ba) tháng 25 (hai lăm) ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng trừ cho Đ 03 (ba) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày Đ đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 21/8/2017 đến ngày 13/12/2017). Bị cáo Đ đã chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 227 Bộ luật hình sự tuyên bố trả tự do cho bị cáo Tổng Thành Đ tại phiên tòa nếu Đ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô số khung: RNAWCHFNA61013606; số máy: VLF1P52FMH-360103606) và 01 chiếc mỏ lết bằng sắt (màu trắng, dài 30cm).

Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên.

Án phí: Bị cáo Tổng Thành Đ phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2017) bị cáo Đ, bà H và ông C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa